

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HS-ST

Ngày 25/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành.

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Tân.

Ông Đinh Thế Cần.

*** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/HSST ngày 22 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/HSST-QĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Ngọc H, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ dân phố T - T3, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Lê Đức T (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1959.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án (có 01 tiền án): Bản án số 61/2008/HSST ngày 04/11/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (trị giá tài sản chiếm đoạt 31.216.000 đồng), phải thi hành 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 703.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bồi thường dân sự số tiền 14.072.000 đồng. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/02/2011, thi hành xong án phí hình sự, án phí dân sự vào tháng 9/2010, chưa thi hành phần bồi thường dân sự (còn 5.270.000 đồng).

Nhân thân:

- Bản án số 09/2006/HSST ngày 10/3/2006 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt Lê Ngọc H 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, về tội: “Trộm cắp tài sản”, tiền án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng đã thi hành xong ngày 15/11/2008.

- Bản án số 227/2011/HSST ngày 30/6/2011 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt Lê Ngọc H 30 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản”, tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Hữu chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/10/2013, đã thi hành xong án phí năm 2012.

- Bản án số 33/2014/HSST ngày 07/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt Lê Ngọc H 01 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”, tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Hữu chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2015, đã thi hành xong án phí ngày 10/9/2014.

- Bản án số 41/2016/HSST ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt Lê Ngọc H 04 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”, tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Hữu chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/10/2019, đã thi hành xong án phí và tiền phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/7/2023 đến ngày 08/7/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam - Công an tỉnh T. Trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Tòng Thị T1, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Bản Nhộc, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La.

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12.

Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ.

Con ông Tòng Văn C (đã chết) và bà Lường Thị M, sinh năm 1960.

Chồng Quàng Văn P, sinh năm 1989 (đã ly hôn); Có 02 con: Con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 42/2017/HSST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xử phạt Tòng Thị T1 30 tháng tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Thoa chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/02/2019, đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam - Công an tỉnh T. Trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Quàng Thị X, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Bản Nát, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi ở hiện nay: Bản N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12.

Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ.

Con ông Quàng Văn M1, sinh năm 1966 và bà Lò Thị M2, sinh năm 1966.

Chồng Quàng Văn C1, sinh năm 1987 (đã ly hôn); Có 02 con: Con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam - Công an tỉnh T. Trích xuất có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

- Anh Vũ Mạnh T2, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Anh Nguyễn Đức H1, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

*** Người chứng kiến:**

- Ông Hoàng Công C2, sinh năm 1960 (vắng mặt)

- Ông Trần Duy M3, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Ngọc H là người nghiện chất ma túy có quan hệ tình cảm nam nữ với Tòng Thị T1 hiện đang thuê nhà ở thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Khoảng 08 giờ ngày 01/7/2023, H đi từ nhà đến quán M4 ở thôn T, xã Q, huyện Q nơi T làm việc để gặp T1. Tại quán chỉ có H và T1, H hỏi T1: “Có biết chỗ nào bán ma túy thì mua hộ anh để anh dùng”. Do biết Quàng Thị X là chị họ chồng cũ của T1 có bán ma túy nên T1 đã dùng chiếc điện thoại Iphone vỏ màu vàng của T1 lắp sim số 0342596836 gọi vào số điện thoại 0914.323.172 của X hỏi “Chị có ma túy không bán cho em ít”. Lúc đầu, X nói không có, nhưng sau X hỏi: “Lấy bao nhiêu”. T1 quay sang hỏi H thì H nói “Lấy khoảng 03 chỉ ma túy H2 và 10 viên ma túy hồng phien”. X nói với T1 tổng tiền mua ma túy khoảng 5.000.000 đồng - 5.500.000 đồng. T1 đồng ý và nói khi nào có ma túy thì gửi xe khách Thành Chi về cây xăng xã Q, huyện Q, Thái Bình và bảo X gửi số tài khoản cho T1 để khi nhận được ma túy sẽ chuyển tiền cho X. Sau đó, T1 nhắn tin cho X ghi số điện thoại người nhận là 0974.772.865, là số của H. Chiều ngày 01/7/2023, X đi ra khu vực Chợ T4 thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên gặp

người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ, làm nghề xe ôm, nhờ người này mua hộ 10 viên ma túy hồng phiến và 4.000.000 đồng Heroin. Người đàn ông nói 10 viên hồng phiến giá 200.000 đồng, tiền công mua hộ là 500.000 đồng. Ngoài ra, X còn nhờ người này mua cho 50.000 đồng dưa mè để gửi cho T1. Xôm đưa cho người này số tiền là 4.750.000 đồng và dặn khi nào mua được ma túy thì mang đến quán cắt tóc gội đầu Bông Tâm của X ở thị trấn T. Khoảng một giờ sau, người đàn ông trên mang đến quán một bao bì màu cam, Xôm kiểm tra bên trong có 10 quả dưa mè, 01 túi nilon màu hồng chứa 10 viên hồng phiến và 01 túi nilon màu hồng chứa Heroin. X nhận và lấy giấy trắng có dòng kẻ ra, dùng bút ghi: Người gửi: 0914.323.172, người nhận: 0974.772.865, Đ/c cây xăng Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, rồi lấy băng dính dán tờ giấy trên vào bao bì. Khoảng 20 giờ cùng ngày, X mang bao bì trên ra ngã ba T gửi xe khách T, loại xe giường nằm 41 chỗ ngồi, màu xanh, biển số 27F-000.90 về Thái Bình cho T1. Gửi xong, X gọi điện thoại cho T1 nói đã gửi ma túy về rồi, tổng số tiền hết 5.500.000 đồng. Sau đó, T1, X xóa hết tin nhắn, cuộc gọi cho nhau trên điện thoại để tránh bị phát hiện. Khoảng 20 giờ ngày 01/7/2023, H nhắn tin hỏi T1 xem X đã gửi ma túy về cho H chưa, thì T1 nói X gửi rồi, đồng thời gửi cho H số điện thoại 0971332626 và 0967655655 của xe khách Thành Chi. Khoảng 07 giờ ngày 02/7/2023, trong lúc H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 17B5 – 676.45 từ nhà đến chỗ T1 thì anh Vũ Mạnh T2, sinh năm 1990, trú tại bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, là lái xe khách Thành C3, sử dụng số điện thoại 0971.332.626 gọi đến số điện thoại 0974.772.865 của H, nói: “Có bao hàng gửi từ Điện Biên về thì nhận được ở đâu?”. H nói nhận hàng ở cầu T thuộc địa phận xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Khoảng 7 giờ 30 phút cùng ngày, H tới cầu T, xã Q dừng xe bên phải đường, theo hướng xã Q đi xã Q và đứng đợi. Khoảng 5 phút sau thấy xe khách Thành C3, loại xe giường nằm 41 chỗ, màu sơn xanh, biển số 27F-000.90 đi ngược chiều tới. Hữu vậy xe dừng lại. Anh T2 bê từ trên xe xuống 01 bao xác rắn màu cam đưa cho H rồi điều khiển xe ô tô đi. Khi H vừa nhận chiếc bao trên thì tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T phối hợp với Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình đến kiểm tra. Trước sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến là ông Hoàng Công C2, sinh năm 1960 cùng ông Trần Duy M3, sinh năm 1953, đều trú tại thôn P, xã Q, huyện Q, tổ công tác tiến hành kiểm tra bao bì màu cam do H đang bê, bên ngoài bao bì có dán giấy trắng có dòng kẻ trên giấy ghi “Người gửi: 0914.323.172, người nhận 0974.772.865, Đ: Cây xăng Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình”. Bên trong bao bì có 10 quả dưa mè và 02 gói nilon màu hồng, trong đó 01 gói chứa chất bột màu trắng dạng cục (Mẫu niêm phong ký hiệu M1, có khối

lượng 14,6316 gam Heroine), còn 01 gói chứa 10 viên nén hình trụ màu đỏ (Mẫu niêm phong ký hiệu M2, có khối lượng 0,9983 gam Methamphetamine), H khai đó là ma túy của H để sử dụng nhưng H chưa kịp trả tiền mua số ma túy này. Kiểm tra người Hữu, phát hiện và quản lý tại túi vải màu đen Hữu đang đeo trên người 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và 01 điện thoại Masstel đều có vỏ màu vàng đã cũ; kiểm tra xe mô tô biển số 17B5 – 676.45 do H điều khiển không phát hiện, thu giữ gì. Tổ công tác đã đưa H cùng vật chứng và mời người chứng kiến về trụ sở Công an xã Q, huyện Q để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý, niêm phong ma túy, quản lý túi vải, 02 điện thoại di động và xe mô tô biển số 17B5 – 676.45 của H.

Ngày 02/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Ngọc H tại tổ dân phố T - T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình và ngày 04/7/2023 tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Quảng Thị X tại bản N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên, đều không phát hiện thu giữ gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã quản lý 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone vỏ màu vàng của Tòng Thị T1; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen của Quảng Thị X.

Tại Bản Kết luận giám định số 1042/KL-KTHS ngày 05/7/2023 của Phòng K, Công an tỉnh T, kết luận: *“Mẫu M1 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine, có khối lượng 0,9983 gam. Mẫu M2 gửi giám định là ma túy; loại Heroin (H), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định 57/2022/NĐ - CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; có khối lượng là 14,6316 gam. Methamphetamine STT: 247 Danh mục IIC phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ - CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ. Heroin STT: 09, Danh mục IA phụ lục kèm theo Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ.”*

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Ngọc H, Tòng Thị T1 và Quảng Thị X đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng số 17/CT-VKSQP ngày 22/01/2024 đã truy tố, hành vi của các bị cáo Lê Ngọc H, Tòng Thị T1 đủ yếu tố cấu thành tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*; Bị cáo Quảng Thị X đủ yếu tố cấu thành tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”* và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử

phạt bị cáo Lê Ngọc H từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 02/7/2023.

- Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tòng Thị T1 từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 05/7/2023.

- Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Quàng Thị X từ 10 năm 03 tháng đến 10 năm 06 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 05/7/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 249; khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Lê Ngọc H, Tòng Thị T1 và Quàng Thị X mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Ngoài ra, còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về vật chứng, án phí của vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với nhau và với đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo Lê Ngọc H, Tòng Thị T1 và Quàng Thị X nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Lê Ngọc H, Tòng Thị T1 và Quàng Thị X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã mô tả. Phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; Các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T lập hồi 08 giờ 15 phút; 09 giờ 35 phút; 09 giờ 45 phút cùng ngày 02/7/2023 tại Trụ sở Công an xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Biên bản mở niêm

phong và giao nhận đối tượng giám định do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T lập hồi 12 giờ 50 phút ngày 02/7/2023 tại Phòng K Công an tỉnh T; Bản Kết luận giám định số 1042/KL-KTHS ngày 05/7/2023 của Phòng K, Công an tỉnh T; Biên bản mở, kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng quản lý của Lê Ngọc H do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T lập hồi 10 giờ 05 phút ngày 02/7/2023 tại trụ sở Công an xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, thể hiện: “Hồi 19 giờ 57 phút đến 22 giờ 27 phút ngày 01/7/2023, Lê Ngọc H nhắn tin qua Z hỏi Tòng Thị T1 xem chị T1 (tức Quàng Thị X) đã gửi ma túy chưa, T1 nhắn tin cho H trả lời X gửi rồi, gửi xe khách Thành C3, gửi 02 số điện thoại 0971332626 và 0967655655 của xe khách Thành Chi cho H”; Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng: anh Vũ Mạnh T2 và anh Nguyễn Đức H1; Bản tường trình và biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến: Ông Hoàng Công C2 và ông Trần Duy M3 cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.1] Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 01/7/2023, Lê Ngọc H là người nghiện chất ma túy, đến gặp và nhờ Tòng Thị T1 tìm mua ma túy hộ Hữu để H sử dụng. T1 đã gọi điện thoại cho Quàng Thị X nhờ X mua hộ 03 chỉ ma túy Heroin và 10 viên ma túy hồng phiến. Sau đó, X đi ra Chợ T4 thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên nhờ một người đàn ông không rõ tên địa chỉ mua hộ 0,9983 gam Methamphetamine và 14,6316 gam Heroine với tổng số tiền 4.700.000 đồng. X nói với T1 mua ma túy hết 5.500.000 đồng và gửi số ma túy trên qua xe khách Thành Chi về huyện Q, tỉnh Thái Bình cho Lê Ngọc H theo yêu cầu của T1. Khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 02/7/2023 tại khu vực thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, ngay khi H vừa nhận bao bì màu cam bên trong có số ma túy nêu trên từ nhà xe T5 thì bị Công an tỉnh T phát hiện, bắt quả tang. Tòng Thị T1 có hành vi tìm mua hộ ma túy để Lê Ngọc H sử dụng nên đồng phạm với H với vai trò giúp sức. Quàng Thị X có hành vi mua ma túy rồi bán lại cho Lê Ngọc H và Tòng Thị T1 để thu lời bất chính. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Lê Ngọc H và Tòng Thị T1 đã phạm vào tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự và bị cáo Quàng Thị X về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) *Heroin, C4, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*

....

n) *Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này;*

...”.

“Điều 251 Bộ luật Hình sự: Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. *Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

...

p) *Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này;*

...”

[2.2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Ngọc H, Tòng Thị T1 và Quàng Thị X là rất nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ: Đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước, gây mất trật tự an ninh an toàn xã hội. Ma túy còn là nguồn gốc phát sinh các loại bệnh tật ảnh hưởng đến giống nòi và thuần phong mỹ tục của dân tộc, kéo theo sự xuống cấp của đạo đức xã hội và là nguồn gốc của nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác.

[2.3] Khi xem xét, cân nhắc hình phạt cần xem xét đến vai trò và tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ:

- Vai trò của các bị cáo Lê Ngọc H, Tòng Thị T1 là đồng phạm giản đơn, bị cáo H là người khởi xướng và giữa bị cáo T1, bị cáo H thống nhất H là người trả tiền để mua ma túy, bị cáo T1 sau khi được H nhờ đã gọi điện cho bị cáo X nhờ mua túy nên giữ vai trò giúp sức. Bị cáo H có nhân thân rất xấu (04 lần bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản), có 01 tiền án chưa được xóa nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Tòng Thị T1 không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lê Ngọc H, Tòng Thị T1 đã thành khẩn khai báo

hành vi phạm tội nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Quảng Thị X không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa là phù hợp tính chất, hành vi, vai trò và nhân thân của các bị cáo.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Đối với các bị cáo Lê Ngọc H và Tòng Thị T1 tàng trữ trái phép chất ma túy không vì mục đích vụ lợi, tuy nhiên các bị cáo tàng trữ 02 chất ma túy và với số lượng lớn nên cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Quảng Thị X vì mục đích vụ lợi nên cần phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng là chưa phù hợp với hành vi của các bị cáo mà cần áp dụng mức phạt tiền cao hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ.

[2.5] Trong vụ án này:

- Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo Quảng Thị X khai nhờ một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ tại Chợ T4 thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên đi mua giúp nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để điều tra, xử lý.

- Đối với anh Vũ Mạnh T2 là lái xe khách Thành Chi, quá trình nhận bao bì màu cam từ Quảng Thị X rồi chở về trả Lê Ngọc H anh không biết bên trong chứa ma túy nên cơ quan điều tra không xử lý anh là đúng quy định pháp luật.

[3] Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 1042/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh T. Mặt trước phong bì ghi: “M1 Vật chứng quản lý của Lê Ngọc H, SN: 1988, KHTT: Khu Thị A, TT H, H, Thái Bình ngày 2/7/2023”. Bên trong có: 01 phong bì niêm phong mẫu vật; 01 túi nilon trong suốt có nẹp cài viền màu đỏ, trong chứa 01 mảnh nilon màu hồng và 0,7988 gam mẫu gửi giám định cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 1042/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh T. Mặt trước phong bì ghi: “M2 Vật chứng quản lý của Lê Ngọc H, SN: 1988, KHTT: Khu Thị A, TT H, H, Thái Bình ngày 2/7/2023”. Bên trong có: 01 phong bì niêm phong mẫu vật; 01 túi nilon trong suốt có nẹp cài viền màu đỏ, trong chứa 01 mảnh nilon màu hồng và 14,5438 gam mẫu gửi giám định cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu xanh - xám - đen, biển số 17B5-676.45 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Đức H1, sinh năm 1976, trú tại thôn T, xã Q, huyện Q, là chủ quán masage nơi Tòng Thị T1 làm việc. Anh H1 cho Lê Ngọc H mượn chiếc xe trên làm phương tiện đi lại và anh không biết hành vi liên quan đến ma túy của H nên ngày 20/12/2023 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe trên cho anh là phù hợp với quy định pháp luật. Anh H1 đã nhận lại xe và không yêu cầu, đề nghị gì khác.

- Đối với 01 túi vải màu đen không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại Iphone vỏ màu vàng và 01 xác sim, 01 điện thoại Masstel và 01 xác sim vỏ màu vàng quản lý của Lê Ngọc H; 01 điện thoại Iphone vỏ màu vàng và 01 xác sim quản lý của Tòng Thị T1; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen và 01 xác sim quản lý của Quàng Thị X là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo Lê Ngọc H, Tòng Thị T1 và Quàng Thị X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Ngọc H, Tòng Thị T1 phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Bị cáo Quàng Thị X phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng điều luật và hình phạt:

- Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc H **08** (tám) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 02/7/2023.

- Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tòng Thị T1 **07** (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 05/7/2023.

- Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Quảng Thị X **10** (mười) năm **03** (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 05/7/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Lê Ngọc H, Tòng Thị T1 và Quảng Thị X mỗi bị cáo 10.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong mẫu vật, 01 túi nilon trong suốt có nẹp cài viền màu đỏ, trong chứa 01 mảnh nilon màu hồng và 0,7988 gam hoàn trả sau giám định; 01 phong bì niêm phong mẫu vật, 01 túi nilon trong suốt có nẹp cài viền màu đỏ, trong chứa 01 mảnh nilon màu hồng và 14,5438 gam hoàn trả sau giám định; 01 túi vải màu đen có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Q và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 22/01/2024.

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Iphone vỏ màu vàng và xác sim, 01 điện thoại Masstel vỏ màu vàng và xác sim quản lý của Lê Ngọc H; 01 điện thoại Iphone vỏ màu vàng quản lý của Tòng Thị T1 và xác sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen quản lý của Quảng Thị X và xác sim.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Các bị cáo Lê Ngọc H, Tòng Thị T1 và Quảng Thị X mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Lê Ngọc H, Tòng Thị T1 và Quảng Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/3/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Cơ quan điều tra, Cơ quan
THAHS Công an huyện Quỳnh
Phụ;
- Bị cáo; Những người tham gia
tổ tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Thành